TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2018/KDTM-PT
Ngày 25 - 7 - 2018
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thế chấp".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Trang.

Các Thẩm phán: Bà Lang Thị Duyến

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:

Bà Trương Thị Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2017/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thế chấp". Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2017/KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Huy K; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Việt P; Chức vụ: Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Nghệ An; theo Giấy ủy quyền ngày 30 tháng 12 năm 2017. Bà P có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1967

Bà Trần Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khối 19, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bà H và ông T đều vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1931.

Địa chỉ: Xóm V, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Bà D vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khối 19, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2017/KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 24 tháng 8 năm 2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Nghệ An ký hợp đồng tín dụng số LD 1122800209 và thoả thuận bổ sung ngày 10 tháng 5 năm 2013 cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị H vay số tiền 1.500.000.000, đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn để kinh doanh; Thời hạn vay theo hợp đồng hạn mức là: 12 tháng, theo giấy nhận nợ 06 tháng 12 năm 2013 là 06 tháng; lãi suất: 13%/ năm.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 84.5m² tại thửa số 145, tờbản đồ số 14 tại Khối 19, phường H, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 199392 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 17 tháng 12 năm 2004 mang tên ông Lê Văn T, đã được đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố V ngày 24 tháng 8 năm 2011. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà H không trả nợ theo thoả thuận nên Ngân hàng khởi kiện tại Toà án để yêu cầu ông T và bà H trả nợ theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Vinh xét xử buộc ông T và bà H phải thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18 tháng 9 năm 2017 như sau:

Tiền gốc: 1.500.000.000, đồng

Tiền lãi trong hạn: 98.583.333, đồng.

Tiền lãi quá hạn: 1.084.687.500, đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.683.270.833 đồng.

Nếu ông T và bà H không trả được số tiền trên thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ nhà xây dựng trên đất diện tích 84.5m^2 tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 14 tại Khối 19, phường H, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 199392 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 17 tháng 12 năm 2004 mang tên ông Lê Văn T để đảm bảo thu hồi khoản nợ trên.

Về phía bị đơn, ông Lê Văn T thừa nhận đại điện nguyên đơn trình bày là đúng sự thật, ông T thừa nhận ngày 24 tháng 8 năm 2011 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Nghệ An cho vợ chồng ông vay số tiền 1.500.000.000, đồng; mục đích vay vốn để kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 13%/1 năm. Sau khi vay, do vợ chồng ông không thu hồi được nợ nên không trả được nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Hiện tại, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tại toà án yêu cầu vợ chồng ông trả nợ tổng cả gốc và lãi là 2.683.270.833 đồng trên. Ông T đồng ý trả số nợ gốc cho ngân hàng theo yêu cầu. Về lãi, vì hiện tại Công ty và gia đình vợ chồng ông đang gặp khó khăn không có khả năng trả nợ nên đề nghị Ngân hàng xem xét cho trả nợ gốc không tính lãi suất.

Về tài sản thế chấp là thửa đất số 145, tờ bản đồ 14 diện tích 84,5 m² tại Khối 19, phường H, thành phố V, ông T thừa nhận cùng bà Trần Thị H ký thế chấp để vay tiền Ngân hàng, tài sản nhà và đất trên là của ông và vợ trước (bà Phan Thị H) tạo lập nên, trong tài sản trên không có quyền lợi tài sản của bà H, ông T đề nghị tòa xem xét việc thế chấp tài sản trên để đảm bảo quyền lợi cho con gái Lê Thị Cẩm T và mẹ vợ bà Trần Thị D.

Về phía Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan chị Lê Thị Cẩm T trình bày chị T là con ông Lê Văn T và bà Phan Thị H, ông T và bà H có nhà và đất tại Khối 19, phường H, thành phố V. Năm 2003 bà H (mẹ chị T) chết không để lại di chúc, đến năm 2010 ông T lấy gì là bà Trần Thị H. Việc vay mượn giữa ông T bà H với Ngân hàng chị T không được biết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T bà H trả tiền thì chị T thấy việc Ngân hàng thẩm định tài sản, tài sản thế

chấp có nhà trên đất nhưng Ngân hàng chỉ ghi là đất trống chứ không đưa ngôi nhà trên đất vào tài sản thế chấp, việc định giá quá cao dẫn đến bây giờ không có khả năng trả nợ. Tài sản thế chấp là tài sản chung của mẹ chị T và ông T nhưng Ngân hàng không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị T và bà D vào để làm việc và ký hợp đồng thế chấp như vậy là sai. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy hợp đồng thế chấp.

Với nội dung trên, Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2017/KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29, 39, 254, 261, 262, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 122, 131, 299, 317, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án; Xử:

- Buộc ông Lê Văn T và bà Trần Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 2.683.270.833 đồng (Trong đó nợ gốc: 1.500.000.000, đồng; tiền lãi trong hạn: 98.583.333, đồng; tiền lãi quá hạn: 1.084.687.500 đồng).

- Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số LD 1122800209/HĐTC ngày 24 tháng 8 năm 2011 giữa vợ chồng ông T, bà H đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là giao dịch dân sự vô hiệu.

Bác yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp nhà, đất của vợ chồng ông T, bà H để đảm bảo thi hành án.

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải trả lại cho ông T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AB 199392 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 17 tháng 12 năm 2004 mang tên ông Lê Văn T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án, tự nguyện thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kháng cáo không chấp nhận toàn bộ Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2017/KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Đề nghị Tòa án tuyên buộc khách hàng phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền 2.683.270.833 đồng, trong đó, nợ gốc 1.500.000.000 đồng; Lãi, lãi quá hạn 1.183.270.833 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ đã vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp khách hàng Lê Văn T và Trần Thị H không trả được nợ, cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Khối 19, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Chi tiết: Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 14, mục đích sử dụng đất ở 84,5 m^2, diện tích 84,5 m^2 được minh chứng bởi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 199392 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Lê Văn T ngày 17 tháng 12 năm 2004; Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H06745-QĐ.UB(TP) 2004, thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Buộc khách hàng Lê Văn T và Trần Thị H phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan. Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí Tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì khách hàng Lê Văn T và Trần Thị H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn lại.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn xin rút nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên buộc khách hàng phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền 2.683.270.833 đồng, trong đó, nợ gốc 1.500.000.000 đồng; Lãi, lãi quá hạn 1.183.270.833 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ đã vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị Tòa án cấp phúc xem xét nội dung kháng cáo: Trong trường hợp khách hàng Lê Văn T và Trần Thị H không trả được nợ, đề nghị cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Khối 19, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Chi tiết: Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 14, mục đích sử dụng đất ở 84,5 m^2, diện tích 84,5 m^2 mang tên ông Lê Văn T.

Phát biểu Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên

tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Các bên đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn là ông Lê Văn T và bà Trần Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Thị Cẩm T và bà Trần Thị D, Tòa án đã tống đạt giấy tờ hợp lệ, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định. Quyền tranh tụng tại phiên tòa được bảo đảm.

- Về nội dung: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn xin rút một phần kháng cáo, xét thấy, việc Ngân hàng rút kháng cáo là tự nguyện, đề nghị Tòa án căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử nội dung kháng cáo này.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Bản án sơ thẩm nhận định Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông T, bà H vô hiệu là có căn cứ. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu là không chính xác, giải quyết vụ án vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, cũng không xử lý được hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản là không chính xác theo quy định tại Điều 299, khoản 6 Điều 320 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Thị Cẩm T và bà Trần Thị D, Tòa án đã tống đạt giấy tờ hợp lệ, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử nên Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung vụ án: Ngày 24 tháng 8 năm 2011, ông Lê Văn T và bà Trần Thị H ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1122800209 vay của Ngân hàng Thương mại S - Chi nhánh Nghệ An số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay được xác định trong từng giấy nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân và ông T, bà H đã nhận nợ số tiền 1.500.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 021 ngày 06 tháng 12 năm 2013. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng thửa đất số 145, tờ bản đồ 14 diện tích 84,5 m² tại

Khối 19, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 199392 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Lê Văn T ngày 17 tháng 12 năm 2004. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn T và bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và các quy định của pháp luật, đã buộc ông Lê Văn T và bà Trần Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, đồng thời tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản là vô hiệu và buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên buộc khách hàng phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền 2.683.270.833 đồng, trong đó, nợ gốc 1.500.000.000 đồng; Lãi, lãi quá hạn 1.183.270.833 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ đã vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, ngày 15 tháng 01 năm 2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã có đơn xin rút nội dung kháng cáo này. Xét thấy, việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ nội dung kháng cáo này. Phần bản án sơ thẩm có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo nếu ông T, bà H không trả được nợ thì cho phát mãi ngay tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 145, tờ bản đồ 14 diện tích 84,5 m² tại Khối 19, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, mang tên ông Lê Văn T. Trong quá trình sơ thẩm, ông T thừa nhận đã thế chấp thửa đất để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng. Xét thấy, thửa đất do ông Lê Văn T nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Thành ngày 22 tháng 4 năm 2001, được Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 29 tháng 6 năm 2001. Khi tiến hành giao dịch, các bên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Mặc dù ông T chưa tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đã có yêu cầu và được Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp giấy phép xây dựng nhà ở trên thửa đất nhận chuyển nhượng ngày 14 tháng 8 năm 2001. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, tại thời điểm nhận chuyển nhượng, ông Lê Văn T và bà Phan Thị H đang có quan hệ hôn nhân, thửa đất số 145, tờ bản đồ 14

là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H. Bà H chết năm 2003, không để lại di chúc, nên di sản thừa kế của bà H được phân chia theo pháp luật trong đó có thửa đất số 145, tờ bản đồ 14 đang mang tên ông T. Sau khi bà H chết thì những người đồng thừa kế chưa tiến hành khai nhận hay có thỏa thuận gì về việc phân chia di sản thừa kế nên phần di sản của bà H được xác định là tài sản chung của các đồng thừa kế gồm ông T, bà D (mẹ đẻ bà H) và chị T (con gái bà H).

Năm 2004, ông T tiến hành kê khai đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân thành phố V chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 199392 ngày 17 tháng 12 năm 2014. Trong giấy chứng nhận thể hiện người sử dụng đất chỉ là ông Lê Văn T là không đúng quy định pháp luật. Khi ông T ký hợp đồng thế chấp, phía Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không làm rõ nguồn gốc thửa đất và những người có quyền sử dụng đất nên chỉ ký kết hợp đồng thế chấp với ông Lê Văn T và của bà Trần Thị H là chưa đúng pháp luật.

Những người có quyền lợi liên quan gồm bà Trần Thị D và chị Lê Thị Cẩm T không được biết và không ký vào hợp đồng thế chấp nên hợp đồng thế chấp vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực cùa hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, tuyên bố hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và ông T, bà H là vô hiệu và buộc Ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về nội dung yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi ông Lê Văn T và bà H không trả được nợ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289; khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về yêu cầu buộc khách hàng phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền 2.683.270.833 đồng (Hai tỷ, sáu trăm tám mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó, nợ gốc 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn 98.583.333 đồng (Chín mươi tám triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng); tiền lãi quá hạn 1.084.687.500 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ đã vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng. Phần nội dung này của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp nhà, đất của vợ chồng ông T, bà H để đảm bảo thi hành án do Hợp đồng thế chấp tài sản số LD 1122800209/HĐTC ngày 24 tháng 8 năm 2011 giữa vợ chồng ông T, bà H đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là giao dịch dân sự vô hiệu.

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải trả lại cho ông T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AB 199392 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 17 tháng 12 năm 2004 mang tên ông Lê Văn T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong số tiền nợ gốc trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc ông Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ

An theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000032 ngày 03 tháng 10 năm 2017 và số 0000330 ngày 05 tháng 12 năm 2017.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Trang